

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Tờ trình số: 256/TTr-NCP, ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công Phương)

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
1			NCP	NGUYỄN CÔNG HẬU	Nam	20/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi					Khuyết tật	Tuyển thẳng	Khuyết tật
2	230092	104	NCP	LÊ THỊ MẾN	Nữ	19/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9,00	5,75	6,60	0,00	21,35	NV1	
3	230045	102	NCP	PHẠM TRẦN GIA HÂN	Nữ	18/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	7,00	6,70	0,00	21,20	NV1	
4	230076	104	NCP	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	28/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	6,25	6,60	0,00	20,35	NV1	
5	230002	101	NCP	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	18/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,25	4,75	6,70	0,00	19,70	NV1	
6	230079	104	NCP	VÕ SĨ KIẾT	Nam	19/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,25	5,25	6,10	0,00	19,60	NV1	
7	230115	105	NCP	ĐINH THỊ KIM NGỌC	Nữ	10/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,00	5,50	5,10	1,00	19,60	NV1	UT3
8	230203	109	NCP	HUỖNH ANH TUẤN	Nam	23/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	6,75	7,25	5,60	0,00	19,60	NV1	
9	230019	101	NCP	ĐOÀN ĐỖ DƯỠC	Nam	16/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,00	7,25	4,30	0,00	19,55	NV1	
10	230208	109	NCP	LÂM THỊ THÙY UYÊN	Nữ	06/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,00	5,00	5,50	1,00	19,50	NV1	KK02
11	230112	105	NCP	NGUYỄN TÂN NGHĨA	Nam	16/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,75	6,25	5,00	0,00	19,00	NV1	
12	230025	102	NCP	ĐỖ XUÂN ĐẠT	Nam	19/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,25	5,50	5,10	0,00	18,85	NV1	
13	230042	102	NCP	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	11/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,75	6,50	5,10	0,00	18,35	NV1	
14	230199	109	NCP	TRẦN QUỐC TRUNG	Nam	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,25	6,75	3,20	0,00	18,20	NV1	
15	230093	104	NCP	HUỖNH LÊ MINH	Nam	24/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	7,00	3,60	0,00	18,10	NV1	
16	230222	110	NCP	NGUYỄN NGỌC HỒNG VY	Nữ	15/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,25	5,75	5,10	0,00	18,10	NV1	
17	230040	102	NCP	TRẦN TRƯỜNG HẢI	Nam	14/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,75	4,75	5,50	0,00	18,00	NV1	
18	230210	109	NCP	TRẦN CẨM VÂN	Nữ	11/03/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	5,25	5,10	0,00	17,85	NV1	
19	230055	103	NCP	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	Nữ	14/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	5,75	4,20	0,00	17,45	NV1	
20	230023	101	NCP	PHAN TÂN ĐẠI	Nam	23/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	6,00	3,90	0,00	17,40	NV1	
21	230095	104	NCP	ĐOÀN THỊ TRÀ MY	Nữ	14/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	6,00	3,90	0,00	17,40	NV1	
22	230181	108	NCP	NGUYỄN THỊ THUỖNG	Nữ	04/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,25	7,25	2,90	0,00	17,40	NV1	
23	230086	104	NCP	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	Nữ	21/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,25	6,00	3,10	0,00	17,35	NV1	
24	230074	104	NCP	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	11/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,25	5,25	4,70	0,00	17,20	NV1	
25	230057	103	NCP	NGUYỄN GIA HUY	Nam	11/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	3,50	6,80	0,00	16,80	NV1	
26	230075	104	NCP	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	Nam	11/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	7,50	4,30	0,00	16,80	NV1	
27	230196	109	NCP	NGUYỄN NỮ THỰC TRINH	Nữ	29/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,50	5,50	2,80	0,00	16,80	NV1	
28	230041	102	NCP	TRƯƠNG QUANG HẢI	Nam	21/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	4,75	5,90	0,00	16,65	NV1	
29	230127	106	NCP	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	23/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	4,75	4,30	0,00	16,55	NV1	
30	230187	108	NCP	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	19/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	4,25	5,30	0,00	16,55	NV1	
31	230145	107	NCP	VÕ TRẦN KHÁNH QUYÊN	Nữ	14/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,75	6,00	2,60	0,00	16,35	NV1	
32	230015	101	NCP	LÊ THÀNH CÔNG	Nam	13/11/2010	Tỉnh Ninh Bình	7,50	5,25	3,40	0,00	16,15	NV1	
33	230029	102	NCP	NGUYỄN KHẮC HỒ ĐẠT	Nam	23/07/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	6,25	2,90	0,00	16,15	NV1	
34	230107	105	NCP	HUỖNH THỊ KIM NGÂN	Nữ	01/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	5,50	3,60	0,00	16,10	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
35	230121	106	NCP	VÕ HUỖNH NHI	Nữ	10/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,00	3,00	5,10	0,00	16,10	NV1	
36	230160	107	NCP	LÊ THỊ MINH TÂM	Nữ	19/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	4,25	6,10	0,00	16,10	NV1	
37	230137	106	NCP	VÕ NGUYỄN ANH PHÚC	Nam	13/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	6,25	3,30	0,00	16,05	NV1	
38	230053	103	NCP	NGUYỄN DIỄN HÒA	Nam	19/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,75	7,25	2,00	0,00	16,00	NV1	
39	230104	105	NCP	LÊ THỊ THÚY NGA	Nữ	27/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	5,50	3,00	0,00	16,00	NV1	
40	230022	101	NCP	THỐI VÕ LUYN ĐA	Nữ	22/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	5,00	3,40	0,00	15,90	NV1	
41	230038	102	NCP	NGUYỄN TẤN GIẢNG	Nam	02/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	6,00	4,40	0,00	15,90	NV1	
42	230182	108	NCP	PHẠM MỸ TIỀN	Nữ	26/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	3,50	4,30	1,00	15,80	NV1	UT3
43	230062	103	NCP	PHẠM CÔNG HUY	Nam	05/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,75	5,25	3,60	0,00	15,60	NV1	
44	230035	102	NCP	LƯƠNG QUANG ĐỨC	Nam	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,75	6,00	2,80	0,00	15,55	NV1	
45	230124	106	NCP	HUỖNH THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	27/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,00	4,75	2,70	0,00	15,45	NV1	
46	230059	103	NCP	NGUYỄN LÊ HỒNG HUY	Nam	04/08/2010	Tỉnh Quảng Nam	5,75	5,25	4,40	0,00	15,40	NV1	
47	230111	105	NCP	PHẠM THỊ KIM NGÂN	Nữ	01/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,00	4,50	2,80	0,00	15,30	NV1	
48	230165	107	NCP	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	16/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,75	5,25	2,30	0,00	15,30	NV1	
49	230205	109	NCP	LÊ THỊ KIM TUYẾT	Nữ	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8,00	2,75	4,40	0,00	15,15	NV1	
50	230219	110	NCP	PHẠM VIỆT VƯƠNG	Nam	05/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	3,50	5,40	0,00	15,15	NV1	
51	230172	108	NCP	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	10/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4,75	5,25	5,10	0,00	15,10	NV1	
52	230225	110	NCP	NGUYỄN THỊ NHẬT VY	Nữ	18/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,25	4,75	3,10	0,00	15,10	NV1	
53	230232	110	NCP	THỐI HOÀNG NHƯ Ý	Nữ	28/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	6,00	2,00	0,00	15,00	NV1	
54	230156	107	NCP	LƯƠNG HỮU TÀI	Nam	21/06/2010	Tỉnh Bình Phước	6,25	5,00	3,70	0,00	14,95	NV1	
55	230012	101	NCP	LÊ BÙI NGỌC CHÂU	Nữ	19/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,25	4,00	3,60	0,00	14,85	NV1	
56	230167	107	NCP	NGUYỄN THỊ ANH THI	Nữ	20/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	5,00	3,30	0,00	14,80	NV1	
57	230141	106	NCP	LÊ PHÚ QUÂN	Nam	12/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	6,50	2,00	0,00	14,75	NV1	
58	230174	108	NCP	LÊ ĐẶNG MỸ THUẬN	Nữ	29/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	5,25	2,90	0,00	14,65	NV1	
59	230207	109	NCP	VÕ LÊ ĐAN TUÔNG	Nam	09/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	4,50	4,60	0,00	14,60	NV1	
60	230087	104	NCP	TẠ HOÀNG LONG	Nam	27/10/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	4,75	3,00	1,00	14,50	NV1	UT3
61	230108	105	NCP	NGUYỄN HOÀNG THANH NGÂN	Nữ	29/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,25	3,25	6,00	0,00	14,50	NV1	
62	230129	106	NCP	HUỖNH THỊ NGỌC NỮ	Nữ	09/09/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	8,25	3,00	3,20	0,00	14,45	NV1	
63	230135	106	NCP	NGUYỄN DUY PHÚC	Nam	23/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	4,75	3,20	0,00	14,45	NV1	
64	230161	107	NCP	NGÔ VĂN DUY THÀNH	Nam	09/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	4,00	4,70	0,00	14,45	NV1	
65	230071	103	NCP	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	03/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	3,25	4,90	0,00	14,40	NV1	
66	230212	109	NCP	NGÔ THANH VIỆT	Nam	19/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,25	3,00	4,10	0,00	14,35	NV1	
67	230043	102	NCP	ĐINH TẤN HẢO	Nam	11/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	4,75	2,50	0,00	14,25	NV1	
68	230180	108	NCP	PHAN ANH THƯ	Nữ	15/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	5,25	3,00	0,00	14,25	NV1	
69	230097	105	NCP	TIÊU THỊ TRÀ MY	Nữ	18/09/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	5,50	3,20	0,00	14,20	NV1	
70	230091	104	NCP	TRƯƠNG THỊ TUYẾT MAI	Nữ	25/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	4,50	3,10	0,00	14,10	NV1	
71	230001	101	NCP	NGUYỄN DUY AN	Nam	01/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	3,75	3,80	0,00	14,05	NV1	
72	230217	110	NCP	TRẦN ĐÌNH VŨ	Nam	04/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	3,75	4,50	0,00	14,00	NV1	
73	230163	107	NCP	VÕ NGUYỄN ÁI THẨM	Nữ	03/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,25	3,50	3,10	0,00	13,85	NV1	
74	230051	103	NCP	VÕ DUY HIỆP	Nam	18/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	5,50	2,80	0,00	13,80	NV1	
75	230070	103	NCP	VÕ THÀNH KHIÊM	Nam	18/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	3,25	4,80	0,00	13,80	NV1	
76	230082	104	NCP	A VĂN LỊCH	Nam	19/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	4,25	3,70	0,00	13,70	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
77	230191	108	NCP	NGUYỄN VĂN TRI		Nam	24/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	2,50	4,20	0,00	13,70	NV1	
78	230201	109	NCP	ĐINH LÊ TUẤN TÚ		Nam	20/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	4,25	4,40	0,00	13,65	NV1	
79	230031	102	NCP	TRẦN QUỐC ĐẠT		Nam	11/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	3,25	4,60	0,00	13,60	NV1	
80	230083	104	NCP	HUỲNH NGỌC TRÚC LINH		Nữ	02/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	4,25	3,10	0,00	13,60	NV1	
81	230072	103	NCP	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG KHOA		Nam	31/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	4,25	3,00	0,00	13,50	NV1	
82	230098	105	NCP	VÕ THỊ TRÀ MY		Nữ	08/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	4,75	2,50	0,00	13,50	NV1	
83	230006	101	NCP	NGUYỄN NGỌC BẢO AN		Nam	25/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,75	2,75	3,90	0,00	13,40	NV1	
84	230101	105	NCP	NGÔ NGUYỄN PHƯƠNG NAM		Nam	25/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,75	2,25	4,40	0,00	13,40	NV1	
85	230221	110	NCP	NGUYỄN MAI HÀ VY		Nữ	23/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	2,50	3,40	0,00	13,40	NV1	
86	230186	108	NCP	LÊ VĂN TỊNH		Nam	11/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	3,75	3,10	0,00	13,35	NV1	
87	230044	102	NCP	TRẦN THÚY HẰNG		Nữ	15/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	4,50	3,30	0,00	13,30	NV1	
88	230220	110	NCP	LÊ NGUYỄN HÀ VY		Nữ	25/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,25	4,75	3,30	0,00	13,30	NV1	
89	230224	110	NCP	NGUYỄN THỊ NHẬT VY		Nữ	04/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	3,50	2,80	0,00	13,30	NV1	
90	230176	108	NCP	PHẠM HỒ THU THUY		Nữ	05/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	4,50	3,70	0,00	13,20	NV1	
91	230052	103	NCP	HUỲNH MINH HIẾU		Nam	10/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	6,25	1,90	0,00	13,15	NV1	
92	230067	103	NCP	ĐỒNG TRIỆU KHA		Nam	30/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,75	4,75	1,60	0,00	13,10	NV1	
93	230077	104	NCP	NGUYỄN TRẦN TUẤN KIẾT		Nam	16/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3,75	5,25	4,10	0,00	13,10	NV1	
94	230090	104	NCP	NGUYỄN DUY LỰC		Nam	28/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,25	5,25	2,60	0,00	13,10	NV1	
95	230004	101	NCP	VÕ THUY TRÂM ANH		Nữ	25/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	2,00	3,50	1,50	13,00	NV1	KK01
96	230047	102	NCP	ĐINH THỊ THÚY HIỀN		Nữ	29/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	6,00	2,00	0,00	13,00	NV1	
97	230064	103	NCP	LÊ KHÁNH HUYỀN		Nữ	16/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	3,75	2,70	0,00	12,95	NV1	
98	230065	103	NCP	TRẦN TÂN HƯNG		Nam	19/11/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	4,25	2,90	0,00	12,90	NV1	
99	230149	107	NCP	NGUYỄN ĐIỂM QUỲNH		Nữ	18/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	5,00	2,40	0,00	12,90	NV1	
100	230171	108	NCP	PHẠM NGỌC THIÊN		Nam	05/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	5,25	2,10	0,00	12,85	NV1	
101	230084	104	NCP	PHẠM THỊ MỸ LINH		Nữ	08/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	3,00	2,30	0,00	12,80	NV1	
102	230164	107	NCP	LÊ QUANG THẮNG		Nam	18/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4,50	4,25	4,00	0,00	12,75	NV1	
103	230014	101	NCP	NGUYỄN HỮU CHỨC		Nam	23/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,25	4,75	2,70	0,00	12,70	NV1	
104	230226	110	NCP	VÕ THỊ TRÀ VY		Nữ	08/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	3,75	2,30	0,00	12,55	NV1	
105	230078	104	NCP	TRỊNH TRẦN QUỐC KIẾT		Nam	01/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	2,50	5,00	0,00	12,50	NV1	
106	230188	108	NCP	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM		Nữ	23/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	3,25	3,50	0,00	12,50	NV1	
107	230228	110	NCP	HUỲNH THANH VỸ		Nam	30/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,25	3,75	3,50	0,00	12,50	NV1	
108	230017	101	NCP	HUỲNH NGỌC DUY		Nam	23/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	3,25	3,40	0,00	12,40	NV1	
109	230027	102	NCP	LƯU VĂN ĐẠT		Nam	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	4,50	2,40	0,00	12,40	NV1	
110	230109	105	NCP	PHẠM HỒNG KIM NGÂN		Nữ	12/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	3,50	3,10	0,00	12,35	NV1	
111	230024	101	NCP	ĐÀM ĐỨC ĐẠT		Nam	21/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,75	2,50	3,00	0,00	12,25	NV1	
112	230166	107	NCP	PHAN NGỌC THÂN		Nam	02/02/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	2,75	2,00	0,00	12,25	NV1	
113	230114	105	NCP	PHẠM HỮU NGHĨA		Nam	22/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	3,50	2,40	0,00	12,15	NV1	
114	230209	109	NCP	NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN		Nữ	27/03/2010	Tỉnh Bình Phước	7,75	2,00	2,40	0,00	12,15	NV1	
115	230216	110	NCP	BÙI TIÊN VŨ		Nam	27/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	5,00	1,60	0,00	12,10	NV1	
116	230068	103	NCP	LÊ HUỲNH JĨ KHANG		Nam	01/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	5,25	1,80	0,00	12,05	NV1	
117	230005	101	NCP	VÕ VŨ KIM ÁNH		Nữ	19/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	1,75	2,70	0,00	11,95	NV1	
118	230016	101	NCP	VÕ HUYỀN DIỆU		Nữ	08/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,75	1,00	3,10	0,00	11,85	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
119	230119	105	NCP	NGUYỄN KHẮC NHẬT	Nam	15/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	3,25	2,10	0,00	11,85	NV1	
120	230159	107	NCP	HUỖNH CÔNG TẠO	Nam	12/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	3,25	3,10	0,00	11,85	NV1	
121	230218	110	NCP	LÊ THỊ VUI	Nữ	29/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,00	3,25	1,60	0,00	11,85	NV1	
122	230013	101	NCP	TRỊNH BẢO CHÂU	Nam	29/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	3,00	2,50	0,00	11,75	NV1	
123	230178	108	NCP	TRẦN THỊ THANH THÚY	Nữ	18/10/2010	Tỉnh Bình Định	6,25	2,00	3,50	0,00	11,75	NV1	
124	230230	110	NCP	ĐOÀN THỊ NHƯ Ý	Nữ	18/12/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	3,50	2,50	0,00	11,75	NV1	
125	230030	102	NCP	NGUYỄN VẠN ĐẠT	Nam	26/09/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	3,50	3,20	0,00	11,70	NV1	
126	230122	106	NCP	TRƯƠNG VĂN NHIÊN	Nam	07/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	3,25	2,20	0,00	11,70	NV1	
127	230147	107	NCP	BÙI NGỌC ỨT	Nữ	19/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	2,50	3,20	0,00	11,70	NV1	
128	230138	106	NCP	LÊ TRẦN TRÚC PHƯƠNG	Nữ	06/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	2,75	1,40	1,50	11,65	NV1	KK01
129	230153	107	NCP	VÕ THANH SANG	Nam	21/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	3,50	2,40	0,00	11,65	NV1	
130	230039	102	NCP	NGUYỄN SƠN HẢI	Nam	04/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3,00	5,50	3,10	0,00	11,60	NV1	
131	230130	106	NCP	NGUYỄN HOÀNG OANH	Nữ	09/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,75	2,25	1,60	0,00	11,60	NV1	
132	230214	110	NCP	CAO QUANG VINH	Nam	26/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	3,00	2,10	0,00	11,60	NV1	
133	230003	101	NCP	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	16/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3,50	3,75	4,30	0,00	11,55	NV1	
134	230009	101	NCP	VÕ HOÀNG HOÀI BĂNG	Nữ	15/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,50	1,25	2,80	0,00	11,55	NV1	
135	230037	102	NCP	NGUYỄN HUỖNH ĐỨC	Nam	30/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3,75	4,00	3,80	0,00	11,55	NV1	
136	230125	106	NCP	LÊ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	20/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	2,75	2,30	0,00	11,55	NV1	
137	230202	109	NCP	VÕ HOÀNG NHẬT TÚ	Nam	31/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	2,25	2,90	0,00	11,40	NV1	
138	230173	108	NCP	LƯU ĐẶNG THỊ HOÀI THU	Nữ	21/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,50	3,75	2,00	0,00	11,25	NV1	
139	230233	110	NCP	BÙI HOÀNG YẾN	Nữ	19/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7,75	1,00	2,50	0,00	11,25	NV1	
140	230081	104	NCP	HỒ HOÀNG LÂM	Nam	11/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	2,50	3,70	0,00	11,20	NV1	
141	230099	105	NCP	NGUYỄN LY NA	Nữ	15/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,25	2,25	3,70	0,00	11,20	NV1	
142	230142	106	NCP	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	01/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,50	3,50	1,20	0,00	11,20	NV1	
143	230189	108	NCP	PHẠM THỊ HUYỀN TRÂM	Nữ	05/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	3,50	2,70	0,00	11,20	NV1	
144	230194	109	NCP	TIÊU NGỌC TRÍ	Nam	27/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	3,00	2,20	0,00	11,20	NV1	
145	230151	107	NCP	VÕ NHƯ QUỲNH	Nữ	30/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	2,50	2,90	0,00	11,15	NV1	
146	230148	107	NCP	LÊ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	20/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	2,50	2,30	0,00	11,05	NV1	
147	230234	110	NCP	DƯƠNG QUANG HOÀNG CẨM YẾN	Nữ	16/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	3,00	1,80	0,00	11,05	NV1	
148	230113	105	NCP	NGUYỄN VĂN NGHĨA	Nam	31/07/2010	Tỉnh Nghệ An	5,75	2,50	2,80	0,00	11,05	NV1	
149	240044	02	NH1	LÊ VĂN ĐÔNG	Nam	03/02/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	4,25	4,60	0,00	14,85	NV2	
150	240032	02	NH1	MAI KIỀU DUYÊN	Nữ	01/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	5,25	3,60	0,00	14,60	NV2	
151	240281	12	NH1	VÕ NHẬT TƯỜNG	Nam	15/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	5,00	3,40	0,00	14,40	NV2	
152	240059	03	NH1	NGUYỄN QUỐC HẢO	Nam	04/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4,50	5,75	4,10	0,00	14,35	NV2	
153	240148	07	NH1	VÕ THỊ THÚY NGÂN	Nữ	16/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4,75	3,75	5,40	0,00	13,90	NV2	
154	240313	14	NH1	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	Nữ	08/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	4,00	3,90	0,00	13,90	NV2	
155	240236	10	NH1	VÕ MINH THIÊN	Nam	10/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,25	2,50	5,00	0,00	13,75	NV2	
156	240306	14	NH1	TRẦN TRIỆU VỸ	Nam	14/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4,25	3,75	4,50	1,00	13,50	NV2	UT3
157	240098	05	NH1	PHẠM QUANG ANH KHOA	Nam	26/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,75	4,25	3,40	0,00	13,40	NV2	
158	240012	01	NH1	TRƯƠNG THIÊN ÂN	Nam	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4,25	6,25	2,80	0,00	13,30	NV2	
159	240047	02	NH1	ĐÀO HUỖNH HUYỀN GIANG	Nữ	11/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,00	2,50	5,70	0,00	13,20	NV2	
160	240240	10	NH1	TRẦN THỊ KIM THOA	Nữ	20/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6,00	3,25	3,90	0,00	13,15	NV2	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Trang tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
161	240243	11	NH1	TRẦN BẢO THUẬN	Nam	11/05/2010	Tỉnh Bình Phước	4,50	2,75	5,50	0,00	12,75	NV2	
162	240101	05	NH1	TRẦN THỊ KIỀU	Nữ	07/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5,25	3,75	3,60	0,00	12,60	NV2	

Danh sách này có: 162 học sinh trúng tuyển.

Trong đó: + Tuyển thẳng: 01 học sinh.
+ Nguyên vọng 1: 147 học sinh.
+ Nguyên vọng 2: 14 học sinh.

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 7 năm 2025

GIAM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thái

Danh sách này có: 162 học sinh được đề nghị xét duyệt.

Trong đó: + Tuyển thẳng: 01 học sinh.
+ Nguyên vọng 1: 147 học sinh.
+ Nguyên vọng 2: 14 học sinh.

Người lập danh sách

Phan Thị Ánh Tuyết

Nghĩa Hành, ngày 03 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

Nguyễn Xuân Vinh